

Số: 41/2023/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 750/2022/HNST ngày 02/12/2022 về việc: “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Duy V, sinh năm 1978

Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: 17/82 đường P, Phường 12, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng tạm trú: 32 Đường N1, KDC L, tổ 40D, KP4, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Duy V và bà Bùi Thị Thu T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Duy V và bà Bùi Thị Thu T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01/06 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh B cấp ngày 06/11/2006).

- Về con chung: Ông Lê Duy V và bà Bùi Thị Thu T xác nhận có 02 (hai) con chung họ tên là Lê Bùi Khánh T (nam), sinh ngày 18/08/2007 và Lê Bùi K Điền (nam), sinh ngày 21/10/2009.

Ông V và bà T thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn ông Lê Duy V sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Lê Bùi Khánh T, ông V không yêu cầu bà Bùi Thị Thu T cấp dưỡng nuôi con; Bà T là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Lê Bùi Khánh Đ, ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng, hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu cơ quan Thi hành án.

Ông Lê Duy V và bà Bùi Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Lê Duy V và bà Bùi Thị Thu T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Duy V và bà Bùi Thị Thu T xác nhận không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án: Ông Lê Duy V tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số AA/2021/0015178 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông V đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7, TP.HCM;
- C/c THA DS Q.7, TP.HCM;
- C/q thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (TK.Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy